TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 66/2023/DS-PT Ngày: 30-6-2023 V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản, bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Đê

Các Thẩm phán: Bà Huỳnh Ái Loan

Bà Ngô Thị Kim Châu

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 57/2023/TLPT-DS ngày 11 tháng 5 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, đòi lại tài sản và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST, ngày 06-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 38/2023/QĐ-PT, ngày 25 tháng 5 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 66/QĐ-PT, ngày 21 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị M, sinh năm 1959 (có mặt)
Địa chỉ: Số x, đường P, Khóm y, Phường m, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Lê Văn H, sinh năm 1976 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp L, Phường n, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Dương Minh H (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp K, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Anh Trần Hoàng A, sinh năm 1988 (vắng mặt)
Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

3. Anh Nguyễn Văn R, sinh năm 1978 (vắng mặt)
Địa chỉ; Ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Chị Trần Thị Hạnh C, sinh năm 1973 (có mặt)
Địa chỉ: Ấp X, xã H, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Công ty TNHH MTV Thương mại - ô tô T: Do anh Huỳnh Văn L, Giám đốc làm đại diện

Địa chỉ: Khóm s, Phường k, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Lê Thị M là nguyên đơn, anh Lê Văn H là bị đơn, chị Trần Thị Hạnh C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày: Do có sự quen biết với anh Lê Văn H nên bà M cho anh H vay tiền và vàng nhiều lần để làm vốn kinh doanh gạch và vật liệu xây dựng, cụ thể:

- Ngày 28/10/2019, anh H hỏi vay số tiền bằng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng). Khi vay tiền, anh H đưa cho bà M 01 Giấy chứng minh nhân dân và 02 Giấy chứng nhận chủ quyền xe, biển kiểm soát 84C-01467 và biển kiểm soát 84C-06067.

- Ngày 28/3/2020, anh H hỏi vay số tiền bằng 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng), sau đó trả được 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), còn nợ lại 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng).

- Ngày 28/5/2020, anh H hỏi vay 05 (Năm) chỉ vàng 24 kara.

- Ngày 15/6/2020, anh H hỏi vay số tiền bằng 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Ngày 15/7/2020, anh H hỏi vay số tiền bằng 17.500.000 đồng (Mười bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

- Ngày 01/8/2020, anh H hỏi vay 05 (Năm) chỉ vàng 24kara và số tiền bằng 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng).

Như vậy, tổng cộng số tiền anh H đã vay bằng 175.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, loại vàng 999. Do anh H không chịu trả nợ tiền và vàng nên bà M yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H có trách nhiệm trả cho bà M 10 (Mười) chỉ vàng 24kara, loại vàng 999 và số tiền vốn gốc bằng 175.500.000 đồng (Một trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) và yêu cầu trả tiền lãi theo mức lãi suất 0,83%/01 tháng, thời gian tính từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm.

Theo các đơn yêu cầu phản tố ngày 01/11/2021 và ngày 13/12/2021, bị đơn anh Lê Văn H trình bày: Anh và bà M chung sống với nhau như vợ chồng. Đến ngày 28/10/2019, bà M đưa cho anh số tiền bằng 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng) để trả tiền mua gạch vựa bán vật liệu xây dựng tại nhà bà M. Ngày 28/3/2020, bà M đưa cho anh số tiền bằng 27.000.000 đồng (Hai mươi bảy triệu đồng) cũng để trả tiền mua gạch vựa bán tại cửa hàng vật liệu xây dựng tại nhà bà M. Sau đó, bà M tiếp tục đưa cho anh 05 (Năm) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999 để trả tiền mua gạch bán tại cửa hàng vật liệu xây dựng. Ngày 28/5/2020, bà M tiếp tục đưa cho anh 05 (Năm) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999 đem đi bán và đưa thêm số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) để chuyển cho lò gạch. Ngày 15/6/2020, bà M tự chuyển tiền cho lò gạch với số tiền 45.000.000 đồng. Thời gian chung sống không hạnh phúc, nên anh không tiếp tục chung sống với bà M nữa.

Anh chở gạch về bán lại cho chị Trần Thị Hạnh C để lấy tiền đem trả cho bà M vào ngày 18/5/2021, số tiền bằng 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và trả 05 (Năm) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 9999.

Ngoài ra, trong thời gian anh chung sống với bà M, anh có đưa tiền cho bà M bằng 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để hùn mua chiếc xe SH (không nhớ rõ biển số) tại Cửa hàng xe máy Bảy Chi với giá 63.000.000 đồng. Ngày 14/11/2020, anh đưa cho bà M số tiền bằng 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và cùng với bà M đi kiểm định hai xe tải biển số 84C-01467 và 84C-06067 ở tỉnh Sóc Trăng. Đến ngày 09/4/2021, bà M lấy chiếc xe của anh, loại xe Future, biển số 84D1-18933, trong cốp xe có số tiền 50.000.000 đồng và sợi dây chuyền 12 chỉ 05 phân loại vàng 18 kara (7 tuổi). Đồng thời, bà M còn giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô, biển số 84C-01467; Giấy chứng nhận đăng ký xe ôtô, biển số 84C-06067; Giấy phép kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng Mạnh Hùng. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả cho anh chiếc xe gắn máy, nhãn hiệu Honda, loại Future, biển số 84D1-18933 do anh Lê Văn H đứng tên. Buộc bà M trả lại cho anh 01 (Một) sợi dây chuyền 18 kara (07 tuổi) trọng lượng 12 chỉ 05 phân và số tiền 100.000.000 đồng (trong đó 25.000.000 đồng hùn mua xe SH; 25.000.000 đồng đi xét 02 xe tải; 50.000.000 đồng ông để trong cốp xe gắn máy nhãn hiệu Honda, loại Future, biển số 84D1-18933). Buộc bà M phải trả cho anh Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-01467; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-06067; Giấy phép kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng Mạnh Hùng. Buộc bà M bồi thường thiệt hại trong thời gian bà M giữ bản chính 02 giấy đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-01467 và 84C-06067 từ ngày 14/6/2021 cho đến ngày 29/10/2021 là 04 tháng 15 ngày với số tiền 90.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, anh H rút yêu cầu bồi thường thiệt hại số tiền bằng 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng). Đồng thời, rút yêu cầu trả Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-01467; Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-06067; Giấy phép kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng Mạnh Hùng do anh Lê Văn H đứng tên.

Theo đơn yêu cầu độc lập ngày 23/9/2022 của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hạnh C trình bày: Chị là chủ Cửa hàng vật liệu xây dựng Mạnh Hùng 2. Còn anh H chỉ là người làm thuê, phụ trách quản lý cửa hàng. Do chị ở huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên chị cho anh H đứng tên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để thuận tiện đóng thuế và làm các thủ tục khác. Đối với hai chiếc xe tải mang biển số 84C-01467 và 84C-06067 cũng không phải của anh H mà là của chị. Do bà M giữ giấy tờ xe, không đi kiểm định được làm cơ sở kinh doanh của chị bị mất thu nhập. Do đó, chị yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M trả lại bản chính giấy tờ xe biển số 84-06067 và 84C-01467 và buộc bà M phải bồi thường thiệt hại số tiền 319.800.000 đồng (Trong đó bao gồm tiền khám xe định kỳ chiếc xe tải 84C-06067; 03 kỳ x 2.800.000 đồng = 8.400.000 đồng, chiếc xe tải 84C-01467: 03 kỳ x 3.800.000 đồng = 11.400.000 đồng. Thiệt hại do xe ngừng hoạt động: 20.000.000 đồng/tháng x 15 tháng bằng 300.000.000 đồng). Đồng thời, buộc bà M bồi thường thiệt hại phát sinh tiếp do xe ngừng hoạt động kể từ ngày 02/9/2022 cho đến khi bà M trả lại bản chính 02 giấy tờ xe biển số 84-06067 và 84C-01467.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Dương Minh H trình bày: Anh là chủ sở hữu chiếc xe nhãn hiệu Vinaxuki, biển số 84C-01467. Sau đó, anh bán lại cho anh Nguyễn Văn R nhưng chưa làm thủ tục sang tên nên việc tranh chấp giữa bà M và anh H không có liên quan đến anh.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn R trình bày: Chiếc xe nhãn hiệu Vinaxuki, biển số 84C-01467 do anh mua từ ông Dương Minh H. Đến ngày 03/11/2019, anh bán lại cho chị Trần Thị Hạnh C với số tiền 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng), nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Do anh đã giao chiếc xe cho chị C và đã nhận đủ tiền nên việc tranh chấp giữa bà M và anh H không có liên quan đến anh.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Hoàng A trình bày: Anh là nhân viên làm việc tại Công ty TNHH MTV thương mại ô tô T và chỉ là người đứng tên giấy tờ xe dùm Công ty. Thực chất, xe ô tô biển số 84C-06067 là tài sản của ông L.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Huỳnh Văn L trình bày: Chiếc xe ôtô tải biển số 84C-06067 (Thaco) đã bán cho chị C ngày 02/02/2019 với số tiền bằng 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Chị C đã trả tiền trước là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng), còn lại 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng), góp mỗi tháng cho đến khi hết. Cho nên, việc tranh chấp giữa bà M với anh H không liên quan đến quyền và nghĩa vụ của Công ty.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST, ngày 06-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 2, khoản 3 và khoản 6 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 165, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật Dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền vốn gốc bằng 175.500.000 đồng và tiền lãi bằng 43.513.303 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và tiền lãi bằng 219.013.303 đồng (Hai trăm mười chín triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm lẻ ba đồng).

Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M bằng 10 (Mười) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H.

Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả lại cho anh Lê Văn H 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đỏ đen, số máy JC54E1060192, số khung 5356DY038114, biển kiểm soát 84D1-189.33.

Không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H về việc đòi bà Lê Thị M trả lại 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18 kara (loại vàng 07 tuổi), trọng lượng 12 chỉ 05 phân và trả số tiền 100.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H về việc đòi bà Lê Thị M bồi thường số tiền bằng 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 84C-01467, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, biển số 84C-06067, Giấy phép kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng M.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Hạnh C.

Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Hạnh C 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000796, nhãn hiệu Vinaxuki, loại xe tải chở gia cầm, màu đồng, số máy SD485ZL2365441, số khung RRXCA11SD7 V060119, biển kiểm soát 84C-014.67. Và 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009167, nhãn hiệu Thaco, loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy QE03001773F5, số khung 07DAAC063635, biển kiểm soát 84C-060.67.

Không chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Hạnh C đòi bà Lê Thị M bồi thường thiệt hại số tiền 319.000.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về chi phí định giá tài sản, chi phí giám định chữ ký, án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 20 tháng 12 năm 2022, nguyên đơn bà Lê Thị M làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử không buộc bà M trả cho anh Lê Văn H 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Future, biển kiểm soát 84D1-189.33. Không buộc bà M trả cho chị Trần Thị Hạnh C 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000796, nhãn hiệu Vianaxuki, biển kiểm soát 84C-01467 và 01 (Một) bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009167, nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 84C-06067.

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, bị đơn anh Lê Văn H làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị M trả cho anh H 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 12 chỉ 05 phân và số tiền bằng 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 19 tháng 12 năm 2022, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Hạnh C làm đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án phúc thẩm xét xử buộc bà Lê Thị M và anh Lê Văn H, mỗi người có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền bằng 159.900.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Ý kiến của Kiểm sát viên: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Xét thấy kháng cáo của bà M là không có cơ sở chấp nhận, vì bà M không được phép nhận thế chấp hay cầm cố tài sản của người khác nên việc bà M giữ chiếc xe mô tô của anh H và giữ hai bản chính giấy tờ xe ô tô tải của chị C là hành vi trái pháp luật, nên Tòa án sơ thẩm xét xử buộc bà M có nghĩa vụ trả chiếc xe mô tô cho anh H và trả hai bản chính giấy tờ xe ô tô tải của chị C là có căn cứ. Đối với kháng cáo của anh H, thấy rằng anh H không cung cấp được tài

liệu, chứng cứ để chứng minh anh H có hùn tiền mua xe, có hùn tiền đi kiểm định xe với bà M. Anh H không chứng minh được đã trả tiền cho bà M bằng 150 triệu đồng và cũng không chứng minh được anh H có bỏ sợi dây chuyền và tiền vào trong yên xe, nên Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh H là có căn cứ. Riêng yêu cầu kháng cáo của chị C cũng không có căn cứ chấp nhận, vì anh H là người trực tiếp đưa hai bản chính giấy tờ xe ô tô tải cho bà M quản lý, nên bà M không có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị C. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H và không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không rút đơn kháng cáo, bị đơn không rút yêu cầu phản tố và không rút đơn kháng cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không rút yêu cầu độc lập và không rút đơn kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Qua các chứng cứ có trong hồ sơ, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên; Hội đồng xét xử thấy rằng:

[1] Nguyên đơn bà Lê Thị M kháng cáo không đồng ý trả cho anh Lê Văn H chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Future, biển kiểm soát 84D1-189.33 và không đồng ý trả cho chị Trần Thị Hạnh C 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu Vianaxuki, biển kiểm soát 84C-01467 và 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 84C-06067. Thấy rằng, khi anh H vay tiền và vay vàng của bà M thì anh H có giao cho bà M quản lý 02 (Hai) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Nhưng bà M không được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép thực hiện hoạt động nhận cầm cố tài sản và nhận thế chấp tài sản, giữa bà M và anh H không ký kết hợp đồng dân sự về cầm cố tài sản và thế chấp tài sản theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cho nên, bà M giữ chiếc xe mô tô của anh H và giữ 02 (Hai) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô là hành vi trái pháp luật, xâm phạm quyền sở hữu của anh H và của chị C. Khi Tòa án sơ thẩm xét xử buộc anh H có nghĩa vụ trả tiền vốn, tiền lãi và trả vàng vốn cho bà M, là đã đảm bảo quyền lợi của bà M. Đồng thời, Tòa án sơ thẩm xét xử buộc bà M có nghĩa vụ giao trả cho anh H 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Future, biển kiểm soát 84D1-189.33 và buộc bà M giao trả cho chị C 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu Vianaxuki, biển kiểm soát 84C-01467 và 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, nhãn hiệu Thaco, biển kiểm soát 84C-06067, là đúng quy định của pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của bà M không có căn cứ chấp nhận.

[2] Bị đơn anh Lê Văn H kháng cáo cho rằng, anh H đã trả tiền cho bà M được 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng). Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh H đã trả tiền cho bà M được 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) như lời khai của anh H. Anh H

không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh H có hùn số tiền bằng 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) với bà M để cùng với bà M mua chiếc xe nhãn hiệu SH. Anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh H đưa cho bà M số tiền bằng 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) để cùng bà M đi kiểm định xe ô tô ở tỉnh Sóc Trăng. Ngoài ra, anh H không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh H có để số tiền bằng 25.000.000 đồng (Hai mươi lăm triệu đồng) và 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18 kara, trọng lượng 12 (Mười hai) chỉ 05 (Năm) phân bên trong yên chiếc xe Honda Future, biển kiểm soát 84D1-189.33. Khi bà M lấy chiếc xe của anh H, anh H có trình báo với Công an Phường 4, thành phố T và Công an Phường 4, thành phố T đã có Thông báo số 06/TB-CAP, ngày 18/5/2021 về việc giải quyết tin tố giác về tội phạm, không đủ dấu hiệu của tội phạm trộm cắp tài sản (BL 77). Do đó, Tòa án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu phản tố của anh H là có căn cứ. Vì vậy, yêu cầu kháng cáo của anh H là không có căn cứ chấp nhận.

[3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập chị Trần Thị Hạnh C kháng cáo yêu cầu bà M và anh H, mỗi người có nghĩa bồi thường thiệt hại cho chị C số tiền bằng 159.900.000 đồng (Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm nghìn đồng). Thấy rằng, ngày 23/11/2021 Tòa án sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của anh H, trong đó có nội dung anh H yêu cầu bà M giao trả 02 (Hai) bản gốc Giấy đăng ký xe ô tô và bồi thường thiệt hại do bà M giữ 02 (Hai) bản gốc Giấy đăng ký xe ô tô làm cho xe không hoạt động trong thời gian từ ngày 14/6/2021 đến ngày 29/10/2021, số tiền bằng 90.000.000 đồng (BL 81, 82). Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án sơ thẩm đã đưa chị C vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Mở phiên tòa xét xử vụ án ngày 15/7/2022, do chị C vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên hoãn phiên tòa (BL 210-216). Đến ngày 07/9/2022, Tòa án sơ mở phiên tòa xét xử vụ án lần thứ hai và quyết định tạm ngừng phiên tòa do cần xác minh, thu thập bổ sung tài liệu, chứng cứ (BL 230 - 236). Tuy nhiên, trong thời gian tạm ngừng phiên tòa thì ngày 23/9/2022, chị C làm đơn khởi kiện độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà M có nghĩa vụ trả cho chị C 02 bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 84C-01467 và xe ô tô biển kiểm soát 84C-06067 và yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại do bà M giữ hai Giấy đăng ký xe ô tô làm cho xe không hoạt động được, số tiền thiệt hại bằng 319.800.000 đồng (Ba trăm mười chín triệu tám trăm nghìn đồng). Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu độc lập của chị C, thông báo cho chị C nộp tiền tạm ứng án phí và thụ lý yêu cầu độc lập của chị C (BL 237, 238, 239, 245) sau thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 201 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Lẽ ra, Tòa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của chị C, dành cho chị C thực hiện quyền khởi kiện vụ án khác theo quy định tại khoản 2 Điều 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Mặt khác, theo lời khai của bà M, khi anh H vay tiền và vay vàng của bà M thì anh H giao cho bà M giữ 02 (Hai) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 84C-01467 và xe ô tô biển kiểm soát 84C-06067. Theo lời khai của anh H tại biên bản lấy lời khai ngày 11/6/2021, anh H giao giấy tờ xe và giấy tờ

tùy thân của anh H cho bà M giữ, không phải thế chấp vay tiền (BL 180). Theo lời khai của chị C tại biên bản lấy lời khai ngày 09/6/2022, có nội dung anh Trần Hoàng Anh đã lấy lại xe tải khoảng 03 tháng nay (BL 183). Theo lời khai của anh Hoàng Anh tại biên bản lấy lời khai ngày 19/10/2022, xe ô tô tải biển kiểm soát 84C-06067, do phía anh H đang đậu nhờ ở cửa hàng xe Thành Lợi từ lúc đem xem đi sửa chữa (BL 178). Như vậy, hai chiếc xe ô tô biển kiểm soát 84C-01467 và biển kiểm soát 84C-06067 không tham gia giao thông đường bộ để vận chuyển vật liệu xây dựng là do bà M không giao giấy tờ xe để kiểm định xe định kỳ hay do sau khi sửa chữa anh H không nhận lại chiếc xe, hay do cửa hàng Thành Lợi giữ lại chiếc xe. Từ đó đánh giá, xem xét trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho chị C là trách nhiệm của bà M, trách nhiệm của anh H, trách nhiệm của Cửa hàng Thành Lợi hay trách nhiệm liên đới bồi thường. Tòa án sơ thẩm nhận định người có trách nhiệm bồi thường là anh H, chị C khởi kiện yêu cầu bà M bồi thường thiệt hại là không có căn cứ chấp nhận, từ đó xét xử không chấp nhận phần yêu cầu độc lập của chị C, là chưa đảm bảo quyền lợi của chị C. Nếu Tòa án phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của chị C, thì yêu cầu khởi kiện của chị C thuộc trường hợp sự việc đã được giải quyết bằng bản án đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị C không có quyền khởi kiện lại. Do đó, hủy một phần bản án sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập của chị C về việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của chị C về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo thủ tục sơ thẩm.

[5] Xét thấy ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà M, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh H, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị C, giữ nguyên bản án sơ thẩm, là có căn cứ chấp nhận một phần đối với kháng cáo của bà M và kháng cáo của anh H.

[6] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của bà M không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận, nhưng bà M là người cao tuổi, được Tòa án sơ thẩm chấp nhận miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, nên Tòa án phúc thẩm không xử lý. Do yêu cầu kháng cáo của anh H không được Tòa án phúc thẩm chấp nhận, nên buộc anh H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013361, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, nên không phải nộp tiếp. Riêng chị C không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị C bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013362, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Đối với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị C đã nộp bằng 7.995.000 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011856, ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh, sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 và khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị M.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Lê Văn H.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Trần Thị Hạnh C.

Giữ nguyên phần bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST, ngày 06-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M và yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị M.

Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M số tiền vốn gốc bằng 175.500.000 đồng và tiền lãi bằng 43.513.303 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và tiền lãi bằng 219.013.303 đồng (Hai trăm mười chín triệu không trăm mười ba nghìn ba trăm lẻ ba đồng).

Buộc anh Lê Văn H có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị M bằng 10 (Mười) chỉ vàng 24 kara, loại vàng 999.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, hằng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H.

Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho anh Lê Văn H 01 (Một) chiếc xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Future, màu đen đỏ, số máy JC54E1060192, số khung 5356DY038114, biển kiểm soát 84D1-189.33.

Không chấp nhận phần yêu cầu phản tố của anh Lê Văn H đòi bà Lê Thị M trả lại 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18 kara (loại vàng 07 tuổi), trọng lượng 12 chỉ 05 phân và số tiền 100.000.000 đồng.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu của anh Lê Văn H đòi bà Lê Thị M bồi thường thiệt hại số tiền bằng 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) và yêu cầu trả lại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-01467, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô mang biển số 84C-06067, Giấy phép kinh doanh cơ sở vật liệu xây dựng M.

3. Chấp nhận một phần yêu cầu độc lập của chị Trần Thị Hạnh C.

Buộc bà Lê Thị M có nghĩa vụ trả cho chị Trần Thị Hạnh C 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 000796, nhãn hiệu Vinaxuki, loại xe tải chở gia cầm, màu đồng, số máy SD485ZL2365441, số khung RRXCA11SD7 V060119, biển kiểm soát 84C-014.67. Và 01 (Một) bản gốc Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 009167, nhãn hiệu Thaco, loại xe tải tự đổ, màu xanh, số máy QE03001773F5, số khung 07DAAC063635, biển kiểm soát 84C-060.67.

4. Hủy một phần bản án dân sự sơ thẩm số 80/2022/DS-ST, ngày 06-12-2022 của Tòa án nhân dân thành phố T đối với yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Trần Thị Hạnh C về việc đòi bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố T giải quyết lại phần yêu cầu khởi kiện độc lập của chị Trần Thị Hạnh C về việc bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo thủ tục sơ thẩm.

5. Về chi phí định giá tài sản: Buộc bà Lê Thị M phải chịu toàn bộ số tiền bằng 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng), để hoàn trả cho anh Lê Văn H.

Anh Lê Văn H đến Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền nộp tạm ứng chi phí định giá tài sản còn thừa bằng 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

6. Về chi phí giám định chữ ký: Buộc anh Lê Văn H phải chịu toàn bộ số tiền bằng 2.430.000 đồng (Hai triệu bốn trăm ba mươi nghìn đồng), để hoàn trả cho bà Lê Thị M.

Bà Lê Thị M đến Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Trà Vinh nhận lại số tiền nộp tạm ứng chi phí giám định chữ ký còn thừa bằng 2.570.000 đồng (Hai triệu năm trăm bảy mươi nghìn đồng).

7. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Lê Thị M.

Buộc anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm bằng 20.574.032 đồng (Hai mươi triệu năm trăm bảy mươi bốn nghìn không trăm ba mươi hai đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Lê Văn H đã nộp bằng 5.987.500 đồng (Năm triệu chín trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng) theo biên lai thu số 0007407, ngày 05/11/2021 và số tiền bằng 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0007461, ngày 27/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Án phí dân sự sơ thẩm anh Lê Văn H phải nộp tiếp bằng 13.986.532 đồng (Mười ba triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn năm trăm ba mươi hai đồng).

Bà Lê Thị M được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên Tòa án phúc thẩm không xử lý.

Buộc anh Lê Văn H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm anh Lê Văn H đã nộp bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu số 0013361, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh, nên không phải nộp tiếp.

Hoàn trả tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm cho chị Trần Thị Hạnh C bằng 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0013362, ngày 22/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

Đối với tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị Trần Thị Hạnh C đã nộp bằng 7.995.000 đồng (Bảy triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0011856, ngày 29/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Trà Vinh, sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- TAND thành phố T;
- Chi cục THADS thành phố T;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Đê